

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ thị trấn Bút Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN BÚT SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2010 của Bộ tài chính quy định chế độ chi tiêu và tiếp khách trong nước;*

*Căn cứ Thông tư số: 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 thay thế Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, mức thù lao đối với chủ tịch các hội đặc thù ở cấp xã, chức danh, số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia đối với công việc của thôn, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của các công chức: Văn phòng- thống kê, Tài chính-Kế toán thị trấn Bút Sơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế chi tiêu nội bộ thị trấn Bút Sơn”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công chức văn phòng - thống kê, tài chính - ngân sách thị trấn Bút Sơn, các ngành, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện (b/c);
- TVĐU, HĐND thị trấn(b/c);
- Phòng TCKH, Kho bạc huyện; (b/c);
- Các ngành, đoàn thể, phó (t/h);
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Sơn**

**QUY CHẾ**

**Chi tiêu nội bộ thị trấn Bút Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày tháng 01 năm 2022  
của UBND thị trấn Bút Sơn)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Phạm vi áp dụng: Chi thường xuyên phục vụ hoạt động của Đảng, HĐND, UBND và các đoàn thể nhân dân, các hội thụ hưởng kinh phí từ ngân sách thị trấn.

Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân, thuộc Đảng, UBND, HĐND, các đoàn thể các hội của thị trấn Bút Sơn.

**Điều 2. Nguyên tắc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ**

Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng theo các nguyên tắc quy định thực hiện theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội Vụ:

- Không được vượt quá chế độ chi hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Phải phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị;
- Phải bảo đảm cho cơ quan và cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động;
- Mọi việc chi tiêu phải bảo đảm có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp;
- Phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong cơ quan;
- Phải có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn đơn vị bằng văn bản.

Mức chi theo quy chế này là mức chi tối đa, nhưng tùy thuộc vào ngân sách hàng năm để chi cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

**Chương II**

**CHI TIÊU HỘI NGHỊ CỦA UBND, MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ**

**Điều 3. Chi đại hội**

**3.1. Chi đại hội các đoàn thể chính trị và MTTQ**

- Chi bù tiền ăn đại biểu : 70.000 đồng/người/ngày
- Chi tiền nước uống: 20.000 đồng/người/ngày
- Chi phí khác Đại hội: (Tài liệu, băng zôn khẩu hiệu, maket loa đài, khen thưởng, phục vụ ..... thanh toán theo thực tế.)

**3.2. Chi đại hội các tổ chức xã hội và hội đặc thù**

- Chi bù tiền ăn đại biểu : 30.000 đồng/người/ngày
- Chi tiền nước uống: 5.000 đồng/người/ngày

- Chi phí khác Đại hội: (Tài liệu, băng zôn khẩu hiệu, maket loa đài, khen thưởng, phục vụ ..... thanh toán theo thực tế.)

#### **Điều 4. Chi hội nghị**

Thực hiện theo Nghị Quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch HĐND tỉnh Thanh Hoá.

1. Đối tượng đại biểu mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

2. Mức chi hội nghị:

2.1. Hội nghị tổng kết năm

- Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NS Nhà nước là: 50.000 đồng/ngày/ trên người.

- Chi nước uống: 5.000 đồng/ người/ngày.

2.2. Hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào, nhiệm vụ lớn

- Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NS Nhà nước là: 30.000 đồng/ngày/ trên người.

- Chi nước uống: 5.000 đồng/ người/ngày.

### **Chương III**

#### **CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐẢNG**

#### **Điều 5. Chi hoạt động cơ quan Đảng**

Thực hiện theo Quyết định số 1691/QĐ-TU ngày 23/3/2010 của Tỉnh uỷ Thanh Hóa hướng dẫn Quy định 3115- QĐ/VPTW;

1. Chế độ chi hội nghị: Chi hội nghị tổng kết hàng năm của Đảng uỷ Thị trấn, mức chi tiền ăn cho đại biểu: 70.000 đồng/ngày/người, khách mời: 100.000 đồng/ngày/ người.

2. Chi xây dựng báo cáo định kỳ hàng năm trình ban chấp hành, ban thường vụ:

a. Chi XD chương trình làm việc hàng năm, toàn khoá, mức chi: 1.000.000 đồng/văn bản.

b. Chi XD báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCH, BTV mức chi: 500.000 đồng/ báo cáo.

c. Chi XD báo cáo tổng kết hàng năm của BCH, BTV mức chi: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Chi cho các đoàn kiểm tra giám sát mức chi: 500.000 đồng/năm.

### **Chương IV**

#### **CHI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 6. Chi hoạt động của HĐND**

Thực hiện theo Nghị quyết số 183/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của HĐND Tỉnh Thanh Hoá về một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá.

### **1. Chế độ chi tiêu phục vụ kỳ họp HĐND**

- Tiền ăn cho đại biểu dự họp: 100.000đ/người/ngày
- Chi bồi dưỡng ĐB đọc tài liệu: 50.000đ/người/Buổi
- Chế độ bồi dưỡng cho chủ tọa: 100.000đ/người/Buổi
- Chế độ bồi dưỡng cho thư ký: 80.000đ/người/buổi
- Chi thăm tra dự thảo Nghị Quyết kỳ họp, thăm tra các tờ trình giữa kỳ họp:
- + Chủ trì : 50.000đ/người/buổi
- + Các thành viên giúp việc: 30.000đ/người/buổi
- + Chi xây dựng báo cáo: 500.000đ/người/báo cáo
- Tổng hợp ý kiến cử tri để gửi báo cáo đến các cơ quan có thẩm quyền: 250.000đ/báo cáo
- Chi khác: phô tô, in ấn tài liệu, ma kết, loa đài, băng Zôn, hoa tươi, .... tùy vào số lượng cụ thể để thanh toán.

### **2. Chế độ chi công tác khảo sát, giám sát.**

- a. Chi bồi dưỡng trưởng đoàn: 80.000đ/người/buổi
- b. Chi bồi dưỡng thành viên đoàn tham gia : 50.000đ/người/buổi
- c. Chi XD kế hoạch khảo sát, giám sát: 500.000đ/cuộc
- d. Chi XD đề cương gửi các đơn vị khảo sát, giám sát: 500.000đ/cuộc
- e. Chi XD báo cáo kết quả: 250.000đ/cuộc
- g. Chi họp thông qua kết quả khảo sát, giám sát : Chi như đi giám sát

### **3. Chi tiếp xúc cử chi:**

- a. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri: 1.500.000 đồng/điểm tiếp xúc.( Bao gồm chi cho đại biểu đến dự, cử tri tham dự, ma kết, in ấn, phô tô tài liệu, chè nước...)
- b. Chi công tác tổng hợp báo cáo tiếp xúc cử chi để gửi các cơ quan có thẩm quyền: 500.000 đồng/ báo cáo.

### **4. Chi thăm hỏi, ốm đau đối với đại biểu HĐND.**

- a. Đối tượng được hưởng là ĐB HĐND, cha, mẹ đẻ ( cha mẹ vợ, chồng ), chồng, vợ, con.
- b. Mức chi.
  - Ốm đau: 500.000đ/người(một năm không quá 2 lần).
  - Bị bệnh hiểm nghèo: 1.000.000đ/người (Một năm không quá 2 lần).
  - Cha mẹ đẻ (cha mẹ vợ, chồng), chồng (vợ), con đại biểu HĐND từ trần: 500.000đ/người.

### **5. Hỗ trợ văn phòng phẩm cho tổ đại biểu HĐND: 300.000 đồng/tổ/ năm.**

## **Chương V**

### **CHI CÔNG TÁC PHÍ**

Thực hiện theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch HĐND Tỉnh Thanh Hoá.

#### **Điều 7. Công tác phí khi đi công tác trong huyện**

Mức khoán hàng tháng đối với cán bộ chuyên trách và công chức thị trấn được cử đi công tác thường xuyên trên 10 ngày/tháng: 300.000 đồng/người/tháng.

#### **Điều 8. Công tác phí đi công tác ngoài huyện**

Cán bộ công chức được cơ quan, đơn vị cử đi công tác có công lệnh và giấy đi đường có xác nhận của nơi đến công tác được thanh toán các khoản sau:

- Phụ cấp lưu trú: 180.000 đồng/ ngày/người.
- Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác: 200.000 đồng/ ngày/người.

*(Tùy vào tình hình thực tế tại đơn vị trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh mức cho phù hợp nhưng không vượt quá mức quy định trên.)*

## **Chương VI**

### **CHI HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ**

**Điều 9. Mức hỗ trợ cho đối tượng là cán bộ không chuyên trách trong việc tập huấn chuyên môn nghiệp vụ.**

Trong huyện: Mức hỗ trợ = 30.000 đồng/người/ngày

Ngoài huyện: Mức hỗ trợ = 130.000 đồng/người/ngày

## **Chương VII**

### **CHI VĂN PHÒNG PHẨM, CHÈ, NƯỚC UỐNG, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN SÁNG, CÔNG TÁC TIẾP DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TÓ CÁO, KIẾN NGHỊ**

**Điều 10. Khoán chi phí văn phòng phẩm, đồ mực máy in, các khoản sửa chữa nhỏ dưới 100.000 đồng cho các bộ phận, Đảng uỷ, HĐND, UBND và các ngành đoàn thể chính trị**

Căn cứ vào mức kinh phí thực hiện của năm trước liền kề và khả năng ngân sách để xây dựng mức khoán kinh phí văn phòng phẩm( bút, giấy, sổ, bìa tài liệu...) và các khoản khác cho phù hợp:

#### **1. Về sử dụng điện thoại tại công sở**

Tiền cước internet: 2.000.000đ/ tháng cho toàn bộ công sở.

#### **2. Về khoán văn phòng phẩm**

- Văn phòng Đảng uỷ: 600.000đ/tháng
- Văn phòng HĐND: 200.000đ/tháng
- Văn phòng UBND: 1.500.000đ/tháng
- Địa chính XD: 500.000đ/tháng

- Văn hóa CS-XH: 500.000đ/tháng
- Tài chính kế toán: 600.000/tháng
- Tư pháp hộ tịch: 500.000/tháng
- Ban chỉ huy quân sự: 300.000đ/tháng
- Đoàn thanh niên: 200.000đ/tháng
- Mặt trận tổ quốc: 200.000đ/tháng
- Hội cựu chiến binh: 200.000đ/tháng
- Hội nông dân: 200.000đ/tháng
- Hội phụ nữ: 200.000đ/tháng

### **3. Về sử dụng điện trong cơ quan**

Do công sở có nhiều phòng, ban, bộ phận, nhiều trang thiết bị sử dụng điện, như máy vi tính, máy phôtô, quạt trần, điện thắp sáng...

Vì vậy tiết kiệm là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với cán bộ, công chức trong cơ quan. Để thực hiện tiết kiệm điện, quy định một số điểm như sau:

- Khi hết giờ làm việc, không có nhu cầu sử dụng điện thì các phòng, ban phải có ý thức tắt điện và các thiết bị sử dụng điện không để lãng phí.

- Quy định về sử dụng máy điều hòa nhiệt độ: Khi nhiệt độ ngoài trời cao từ 35 độ C trở lên mới được sử dụng điều hòa nhiệt độ (nếu có)

- Quy định về tiết kiệm điện: Cán bộ, công chức ra khỏi phòng làm việc phải tắt máy điều hòa, ra về phải tắt hết điện trong phòng.

**Điều 11. Chi công tác tiếp dân xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Thực hiện theo QĐ số 1823/QĐ-UBND ngày 14/06/2012 của UBND tỉnh.**

- Đối tượng áp dụng: Chủ tịch UBND thị trấn, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao (bằng Quyết định) xử lý vụ việc khiếu nại, tố cáo, phải thực hiện tiếp công dân tham mưu biện pháp giải quyết.

\* Mức chi:

a. Xử lý đơn thư tại trụ sở hoặc địa điểm tiếp dân:

- Lãnh đạo UBND: Mỗi ngày 100.000 đồng tối đa không quá 58 ngày/năm.

- Các thành viên tham gia tiếp dân định kỳ tại UBND thị trấn: 100.000 đồng/ngày, tối đa không quá 96 ngày/năm.

b. Xử lý đơn: Chủ tịch UBND thị trấn được chi 50.000 đồng/ngày tối đa không quá 52 ngày/ năm.

## **Chương VIII MUA SẮM TÀI SẢN**

**Điều 12. Đối tượng được mua sắm tài sản**

Các bộ phận, các ngành, tổ chức đoàn thể chính trị.

**Điều 13. Mua sắm tài sản:**

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị mà có kế hoạch mua sắm và được phân bổ theo dự toán chi đầu năm.

**Điều 14. Quản lý và sử dụng tài sản mua sắm**

Theo Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm.

**Chương IX**

**Trợ cấp khó khăn**

**Điều 15.** Trợ cấp khó khăn cho cán bộ bán chuyên trách, đối tượng chính sách, người già cả cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật.

Mức trợ cấp khó khăn cho từng loại đối tượng:

- Gia đình đặc biệt khó khăn: 500.000 đồng/năm.
- Gia đình khó khăn: 400.000 đồng/năm.

*(Hỗ trợ, trợ cấp khó khăn cho các đối tượng chính sách tối đa một năm không quá 02 lần).*

**Chương X**

**KHEN THƯỞNG**

**Điều 16. Khen thưởng cho phong trào hoạt động trong năm**

**1. Đảng: Thực hiện theo quy định số 23-QĐ/TW ngày 31/10/2006 của Bộ chính trị về việc thi hành điều lệ Đảng**

a. Tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu trong năm và chi bộ có thành tích xuất sắc khen thưởng là 0.6 mức lương tối thiểu

b. Tặng giấy khen đảng viên “Đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm và đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc khen thưởng 0,3 mức lương tối thiểu chung.

**2. HĐND, UBND, các ban ngành đoàn thể: Căn cứ vào Mục 2 - Luật Thi đua, Khen thưởng**

a. Đối với cá nhân được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND Thị trấn kèm theo mức tiền thưởng 0,15 lần mức lương tối thiểu chung.

b. Đối với tập thể được tặng giấy khen kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung.

**Điều 17. Khen thưởng cho phong trào được phát động thực hiện các nhiệm vụ chính trị do cấp trên và UBND Thị trấn phát động.**

a. Về tập thể: Tối đa: 500.000 đồng, tối thiểu: 200.000 đồng

b. Về cá nhân: Tối đa 300.000 đồng; tối thiểu: 100.000 đồng.

**Chương XI**

**TRẢ THU NHẬP TẶNG THÊM**

**Điều 18. Chi trả thu nhập tặng thêm cho cán bộ, công chức.**



Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan có số chi thường xuyên thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

Số kinh phí tiết kiệm này được sử dụng để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức với quỹ tiền lương được phép trả tăng thêm tối đa của cả cơ quan không quá 1 lần so với quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ của đơn vị do Nhà nước quy định. Sau khi xác lập quỹ tiền lương được phép trả tăng thêm nếu vẫn còn dư được sử dụng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể.

Phương thức trả thu nhập tăng thêm như sau:

Sau khi xác định được Quỹ tiền lương được phép trả tăng thêm, Chủ tịch UBND thị trấn quyết định mức chi trả cụ thể sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn theo nguyên tắc :

- Mức chi trả thu nhập tăng thêm được trả trực tiếp cho từng cán bộ công chức.

- Trả thu nhập tăng thêm dựa trên hiệu suất công tác của từng cán bộ, công chức theo kết quả xếp loại công chức cuối năm.

## **Chương XII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** Cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách, đại biểu HĐND, các ngành, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn thị trấn có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế này.

**Điều 20.** Quy chế chi tiêu nội bộ này được thực hiện kể từ ngày ký